TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2018/DS-ST
Ngày: 09/8/2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng mượn tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**
2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

- Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên toà:* Ông **NGUYỄN THANH BÌNH** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2018/TLST–DS ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp "Hợp đồng mượn tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **TRẦN VĂN H,** sinh năm 1954 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **LÊ NGỌC T,** sinh năm 1987 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 02/5/2018 và lời khai tại Toà, nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:

Vào ngày 23/11/2017 ông H có cho chị T mượn số tiền 20.000.000đ để chị T trả tiền Ngân hàng và chị có hẹn hai ngày sau sẽ trả đủ số tiền trên cho ông H nhưng đến nay vẫn chưa trả. Khi mượn, chị T có làm biên nhận cho ông H làm tin. Nay ông H yêu cầu khởi kiện buộc chị T phải trả đủ số tiền mượn 20.000.000đ cho ông và tại Tòa, ông yêu cầu bổ sung buộc chị T phải trả số tiền lãi từ ngày 25/11/2017 đến nay theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Tại phiên toà, bị đơn chị T vắng mặt không lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần hai.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện là buộc chị T phải trả số tiền mượn 20.000.000đ là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, còn đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung tại phiên tòa là buộc chị T phải trả số tiền lãi tính từ ngày 25/11/2017 đến nay theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định là không có cơ sở để xem xét do vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** - Chị Lê Ngọc T vắng mặt không lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

- Tại phiên tòa, ông H bổ sung yêu cầu khởi kiện là tính lãi suất phát sinh từ ngày 25/11/2017 đến nay theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và không phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Về nội dung:

[2] Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại Tòa, ông H khẳng định vào ngày 23/11/2017 bị đơn chị T có đến hỏi mượn ông số tiền 20.000.000đ và có làm biên nhận cho ông làm tin. Sau khi nhận tiền, bị đơn có hứa hai ngày sau sẽ trả đủ số tiền trên nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Mặt khác, căn cứ vào ý kiến xác nhận của đại diện địa phương cho rằng bị đơn có thiếu nợ nhiều người trong đó có thiếu nguyên đơn, cũng như căn cứ vào ý kiến của bà Đỗ Thị C (mẹ ruột bị đơn) thể hiện chị T có mượn của ông H số tiền 20.000.000đ và ông có đến nhà đòi thì bà nói với ông H là cho chị T có thời gian đi làm kiếm tiền từ từ trả nhưng ông H không đồng ý nên đã kiện đến Tòa. Đồng thời, trong suốt quá trình thụ lý vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn để đảm bảo quyền nêu ý kiến, cũng như hoà giải để các bên có điều kiện thương lượng, thoả thuận vấn đề tranh chấp nhưng bị đơn vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, bị đơn cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện bị đơn đã không phản bác đối với việc khởi kiện của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H là có căn cứ để chấp nhận và Toà án có đủ cơ sở buộc chị Lê Ngọc T phải có trách nhiệm trả số tiền mượn còn thiếu là 20.000.000đ cho ông H theo quy định tại Điều 496 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468, Điều 494, Điều 496, Điều 499 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.

Buộc bị đơn chị Lê Ngọc T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Trần Văn H số tiền 20.000.000đ.

Kể từ ngày ông Trần Văn H có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Lê Ngọc T chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Chị Lê Ngọc T phải chịu 1.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Trần Văn H số tiền 500.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 08625 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM